TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HSST.
Ngày 08 tháng 9 năm 2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Cương, bà Lò Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Phương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2017/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Hoàng Văn H, sinh năm 1989 tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản T, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; đảng phái, đoàn thể: không; con ông Hoàng Văn P và bà Lò Thị Đ (đều đã chết); chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/6/2017 đến nay có mặt.

****Người bị hại***: Trịnh Thị H1, sinh năm 1983. Trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

****Người có quyền lợi liên quan:***

1/ Trần Như T, sinh năm 1971. Trú tại: Tiểu khu X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1987. Trú tại: Bản S, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11 tháng 6 năm 2017 Hoàng Văn H đi xe đạp từ nhà đến bản T, xã C, huyện Yên Châu thấy nhà chị Trịnh Thị H1 có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 26B1-142.69 đang dựng ở sân, chìa khóa vẫn cắm ở xe, H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy bán lấy tiền chi tiêu. H về nhà cất xe đạp rồi đi nhờ xe của người không quen biết đến cầu Tà Vài, H xuống đi bộ vào nhà H1, quan sát sung quanh không có ai, H dắt xe nổ máy điều khiển đến nhà Hà Văn Đ trú tại bản S, xã M, huyện M và nói với Đ vừa mượn được chiếc xe máy của chị gái nhờ Đ đem cầm cố lấy tiền, Đ đồng ý và điều khiển xe máy đến quán cầm đồ T ở tiểu khu X, thị trấn M, huyện M cầm cố được 7.000.000 đồng, viết giấy hẹn đến ngày 18/6/2017 trả tiền và lấy lại xe, có được tiền Đ và H mua 01 xe máy Wave biển kiểm soát 26H6-3923 với giá 4.200.000 đồng để làm phương tiện đi lại, còn số tiền 2.800.000 đồng, H lấy 1.000.000 đồng, còn lại Hà và Đ chi tiêu cá nhân. Đến ngày 12/6/2017 Hoàng Văn H bị bắt khẩn cấp về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 12/6/2017 Trần Như T đã tự giác giao nộp chiếc xe máy cùng giấy đăng ký xe mang tên Trịnh Thị H1 cho Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu và có đơn đề nghị Đ, H trả số tiền 4.000.000 đồng còn lại sau khi đã nhận từ H, Đ chiếc xe máy nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 26H6-3923 trị giá 3.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 59/HĐ ĐG ngày 14/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Châu kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại xe Sirius biển kiểm soát 26B1-142.69 do Hoàng Văn H chiếm đoạt của Trịnh Thị H1 có giá trị 8.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 46/KSĐT-AN, ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La truy tố Hoàng Văn H về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bị cáo Hoàng Văn H phạm tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường: Áp dụng Điều 584, 585 Bộ luật dân sự

Tài sản đã trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Viện kiểm sát không đề nghị.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Như T số tiền 4.000.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn H thừa nhận hành vi của mình là phạm tội, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Tại phiên tòa người bị hại Trịnh Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Như T có đơn xin xét xử vắng mặt; Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng. Đồng thời, tại phiên tòa Kiểm sát viên và bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt những người nêu trên. Xét thấy sự vắng mặt của những người trên không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 191; khoản 3 Điều 199 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

Về hành vi của bị cáo nhận thấy: Ngày 11 tháng 6 năm 2017 Hoàng Văn H đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản, lén lút vào nhà chị Trịnh Thị H1 để trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA – Sirius biển kiểm soát 26B1-142.69. Theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự giá trị chiếc xe máy là 8.000.000 đồng. Do đó, bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của Hoàng Văn H là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân, trật tự an toàn xã hội, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho Trần Như T với số tiền 3.000.000 đồng (giá trị chiếc xe máy). Dó đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã có 2 tiền án: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cướp tài sản; năm

2009 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xử phạt 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tổng hợp 30 tháng tù của bản án trước (đã xóa án tích).

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng…", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị, vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại tài sản cho người bị hại Trịnh Thị H1 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 26B1-142.69. Xét thấy tài sản thuộc sở hữu của người bị hại, việc Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Trịnh Thị H1 đã nhận lại tài sản, chị H1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào. Xét thấy việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, cần chấp nhận.

Trần Như T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng là khoản tiền anh T bỏ ra cầm cố chiếc xe máy nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có. Xét yêu cầu của anh T là có căn cứ, do đó cần buộc bị cáo bồi thường khoản tiền trên.

Đối với Nguyễn Văn Đ là người trực tiếp đứng ra cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 26B1-142.69 cho Trần Như T, Đ và T đều không biết chiếc xe do Hoàng Văn H trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Đức và Tân là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản.

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 12/6/2017). Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2/ Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu đã trả lại cho chị Trịnh Thị H1 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 26B1-142.69.

3/ Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 584; Điều 585 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận người bị hại Trịnh Thị H1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Buộc bị cáo Hoàng Văn H phải bồi thường cho Trần Như T số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

4/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Hoàng Văn H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 08/9/2017).

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận hi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La ;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Công an huyện Yên Châu;
- THAHS;
- Chi cục THA huyện Yên Châu;
- Bị cáo; Bị hại, NLQ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà